

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Là thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO), Việt Nam cam kết thực hiện đầy đủ Hiệp định về các khía cạnh của quyền SHTT liên quan đến thương mại (TRIPS) của WTO. Nhà nước Việt Nam đã có những nỗ lực quan trọng trong suốt những năm qua để xây dựng và hoàn thiện những quy định pháp luật về SHTT phù hợp với Hiệp định TRIPS. Nhìn chung, cho đến nay, Việt Nam đã triển khai toàn diện các cam kết hội nhập trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đã đạt được nhiều tiến bộ, đáp ứng phần lớn các yêu cầu đặt ra. Tuy nhiên, trên thực tế việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ còn nhiều hạn chế, hiệu lực của hệ thống các quy định về bảo hộ quyền SHTT còn thấp, tính minh bạch và sự nghiêm minh trong thực thi luật còn nhiều vấn đề cần xem xét, tình trạng vi phạm, xâm phạm quyền SHTT đang diễn ra khá phổ biến.

Nghiên cứu chống CTKLM theo quy định của luật SHTT năm 2005 là một vấn đề mới và phức tạp. Cạnh tranh là một quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Nhưng trong điều kiện kinh tế thị trường nói chung và trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói riêng, nếu không có sự điều chỉnh của pháp luật mà chỉ dựa vào sự phát triển tự nhiên của các quy luật vốn có của nó theo kiểu điều tiết của “bàn tay vô hình” thì cạnh tranh tự do sẽ tất yếu dẫn đến độc quyền, gây ra những hậu quả xấu đối với nền kinh tế. Do vậy pháp luật phải điều tiết cạnh tranh để đảm bảo bảo vệ môi trường cạnh tranh, bình ổn giá cả thị trường, bảo vệ người tiêu dùng, kiểm soát được sự phát triển của các doanh nghiệp lớn, đồng thời thúc đẩy hội nhập về kinh tế theo xu hướng toàn cầu hóa.

Ở Việt Nam, việc xem xét mối quan hệ giữa CTKLM và sở hữu trí tuệ là vấn đề không hề đơn giản, việc tồn tại song song hai phương thức dựa trên cơ sở pháp luật cạnh tranh và pháp luật Sở hữu trí tuệ đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT càng phức tạp hơn. Luật cạnh tranh và luật SHTT là hai luật đặc thù của nền kinh tế thị trường đều có mục tiêu chung nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Luật SHTT sáng tạo bằng cách trao cho người chủ sở hữu quyền bảo hộ độc quyền trong việc khai thác tài sản SHTT. Luật cạnh tranh khuyến khích sáng tạo bằng cách tạo cơ hội công bằng cho các doanh nghiệp tham gia thị trường, cân bằng các quyền liên quan đến SHTT, đảm bảo các chủ sở hữu không lợi dụng quyền SHTT đã được bảo hộ để gây hạn chế cạnh tranh. Luật cạnh tranh và Luật SHTT có mối quan hệ giao thoa chặt chẽ với nhau, tuy nhiên sự kết nối giữa hai luật này là không rõ ràng, đặc biệt, sự phối hợp giữa các cơ quan chịu trách nhiệm thi hành hai luật cũng chưa có, dẫn đến nhiều vụ việc phát sinh chưa có cơ sở giải quyết.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế và với mong muốn tìm hiểu nghiên cứu pháp luật về chống CTKLM trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tôi đã chọn đề tài nghiên cứu là: ***“Hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của luật SHTT năm 2005”***.

### 2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Đề tài được nghiên cứu trong bối cảnh Luật cạnh tranh được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI thông qua ngày 03/12/2004 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2005. Cùng với Luật Cạnh tranh, thì

Luật SHTT cũng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI thông qua ngày 20/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01/7/2006. Ngày 19/6/2009, Quốc hội khóa XII thông qua luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật SHTT số 50/2005/QH11, có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Pháp luật cạnh tranh và pháp luật về bảo hộ quyền SHTT đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu đề cập ở nhiều góc độ, mức độ khác nhau, tuy nhiên, đó chỉ là những nghiên cứu mang tính riêng lẻ về hai ngành luật độc lập. Còn vấn đề xử lý các hành vi CTKLM theo quy định của luật SHTT và mối quan hệ giữa hai ngành luật này trong điều chỉnh pháp luật thì cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào.

### **3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU**

Mục đích của đề tài là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về hành vi CTKLM quy định trong luật SHT năm 2005; Phân tích, đánh giá một cách có hệ thống về thực trạng các quy định pháp luật đối với hành vi CTKLM theo Luật SHTT năm 2005; Các hành vi CTKLM theo Luật SHTT diễn ra trong thực tế; Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện và thực thi có hiệu quả pháp luật về CTKLM theo Luật SHTT năm 2005.

### **4. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU**

Luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về pháp luật CTKLM nói chung và CTKLM trong lĩnh vực SHTT nói riêng.

- Phân tích, đánh giá các quy định pháp luật từ trước đến nay của Việt Nam về CTKLM trong kinh tế thị trường và cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực SHTT.

- Kiến nghị các giải pháp thực thi pháp luật pháp luật cạnh tranh liên quan đến bảo hộ quyền SHTT tại Việt Nam.

### **5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Trong quá trình nghiên cứu, Luận văn đã dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và phương pháp luận duy vật lịch sử, đồng thời sử dụng các phương pháp: thống kê; so sánh; tổng hợp; điều tra xã hội học. Cụ thể, chúng tôi dự kiến sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu sau:

- Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết (phân tích, so sánh các Điều ước quốc tế, thu thập kinh nghiệm Luật pháp và thực tế áp dụng của một số quốc gia điển hình về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHTT).

- Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn (xem xét thực tế của Việt Nam để hướng tới việc hoàn thiện các quy định pháp luật đối với các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHTT).

### **6. CƠ SỞ LÝ LUẬN**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện qua các Nghị quyết của các kỳ đại hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật.

### **7. ĐÓNG GÓP KHOA HỌC CỦA LUẬN VĂN**

Những điểm mới của Luận văn thể hiện ở những điểm sau:

- Đây là Luận văn đầu tiên nghiên cứu về pháp luật điều chỉnh các hành vi CTKLM xâm phạm quyền SHTT trong mối quan hệ giữa pháp luật cạnh tranh và pháp luật về bảo hộ quyền SHTT.

- Nghiên cứu một cách hệ thống về bản chất, nội dung của hành vi CTKLM xâm phạm quyền SHTT.

- Căn cứ trên tình hình thực tế các quy phạm pháp luật điều chỉnh và thực tế quá trình áp dụng pháp luật, Luận văn chỉ ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật cho phù hợp với bản chất của hành vi vi phạm.

## **CHƯƠNG 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

#### **1.1. Tổng quan về pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh**

##### **1.1.1. Khái niệm cạnh tranh không lành mạnh**

##### **1.1.1.1. Khái niệm cạnh tranh và cạnh tranh lành mạnh**

Khái niệm “cạnh tranh” từ lâu đã được nhắc đến trong nhiều lĩnh vực khác nhau như cạnh tranh trong thể thao, trong kinh doanh hay trong đời sống sinh thái... Khái niệm cạnh tranh được hiểu khác nhau tại mỗi quốc gia và trong từng thời kì lịch sử và tùy vào hướng tiếp cận của các chủ thể.

Theo K. Marx: "Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh gay gắt giữa các nhà tư bản nhằm giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu dùng hàng hóa để thu được lợi nhuận siêu ngạch".

Theo từ điển kinh doanh (xuất bản năm 1992 ở Anh), cạnh tranh trong cơ chế thị trường được định nghĩa là "Sự ganh đua, sự kình địch giữa các nhà kinh doanh nhằm giành tài nguyên sản xuất cùng một loại hàng hoá về phía mình".

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam (tập 1), cạnh tranh (trong kinh doanh) là hoạt động tranh đua giữa những người sản xuất hàng hoá, giữa các thương nhân, các nhà kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, chi phối quan hệ cung cầu, nhằm giành các điều kiện sản xuất, tiêu thụ thị trường có lợi nhất.

Hai nhà kinh tế học Mỹ P.A Samuelson và W.D.Nordhaus trong cuốn kinh tế học (xuất bản lần thứ 12) cho rằng: Cạnh tranh (Competition) là sự kình địch giữa các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau để giành khách hàng hoặc thị trường. Hai tác giả này hiểu cạnh tranh đồng nghĩa với cạnh tranh hoàn hảo (Perfect Competition).

Ba tác giả Mỹ khác là D.Begg, S. Fischer và R. Dornbusch cũng cho cạnh tranh là cạnh tranh hoàn hảo, các tác giả này viết: Một cạnh tranh hoàn hảo, là ngành trong đó mọi người đều tin rằng hành động của họ không gây ảnh hưởng tới giá cả thị trường, phải có nhiều người bán và nhiều người mua.

Ở phạm vi quốc gia, theo Ủy ban cạnh tranh công nghiệp của Tổng thống Mỹ thì cạnh tranh đối với một quốc gia là mức độ mà ở đó, dưới các điều kiện thị trường tự do và công bằng, có thể sản xuất các hàng hoá và dịch vụ đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường Quốc tế, đồng thời duy trì và mở rộng được thu nhập thực tế của người dân nước đó.

Tại diễn đàn Liên hợp quốc trong báo cáo về cạnh tranh toàn cầu năm 2003 thì định nghĩa cạnh tranh đối với một quốc gia là "Khả năng của nước đó đạt được những thành quả nhanh và bền vững về mức sống, nghĩa là đạt được các tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao được xác định bằng các thay đổi của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tính trên đầu người theo thời gian".

Từ những định nghĩa và các cách hiểu không giống nhau trên có thể thấy cạnh tranh phải có các điều kiện tiên quyết sau:

- Phải có nhiều chủ thể cùng nhau tham gia cạnh tranh;
- Việc cạnh tranh phải được diễn ra trong một môi trường cạnh tranh cụ thể;
- Cạnh tranh có thể diễn ra trong một khoảng thời gian không cố định.

Như vậy, qua những phân tích và các quan điểm khác nhau ở trên, chúng tôi hiểu: *cạnh tranh là một sản phẩm tất yếu của nền kinh tế thị trường, cạnh tranh là sự ganh đua về kinh tế giữa những chủ thể trong nền sản xuất hàng hóa nhằm có được những điều kiện tốt hơn trong sản xuất và tiêu thụ để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.*

#### **1.1.1.2. Đặc điểm của cạnh tranh**

Một, cạnh tranh là hiện tượng xã hội diễn ra giữa các chủ thể kinh doanh

Hai, về mặt hình thức, cạnh tranh là sự ganh đua, sự kình địch giữa các doanh nghiệp.

Ba, mục đích của các doanh nghiệp tham gia cạnh tranh là cùng tranh giành thị trường mua hoặc bán sản phẩm.

#### **1.1.1.3. Ý nghĩa của cạnh tranh**

- a. Cạnh tranh đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng
- b. Cạnh tranh có vai trò điều phối các hoạt động kinh doanh trên thị trường
- c. Cạnh tranh đảm bảo cho việc sử dụng các nguồn lực kinh tế một cách hiệu quả nhất
- d. Cạnh tranh có tác dụng thúc đẩy việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong kinh doanh
- e. Cạnh tranh kích thích sự sáng tạo, là nguồn gốc của sự đổi mới liên tục trong đời sống kinh tế - xã hội

#### **1.1.1.4. Khái niệm cạnh tranh không lành mạnh**

CTKLM là hành vi:

- Nhằm mục đích cạnh tranh phát sinh trong kinh doanh;
- Trái với pháp luật cạnh tranh hoặc tập quán kinh doanh thông thường;
- Gây thiệt hại cho đối thủ hoặc cho khách hàng.

Điều 10 Bis Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp quy định: “bất cứ hành vi cạnh tranh nào trái với các hoạt động thực tiễn, không trung thực trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại đều bị coi là hành vi CTKLM”.

Theo quy định tại khoản 4, điều 3 Luật cạnh tranh 2004, hành vi CTKLM là *“hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng”*.

#### **1.1.1.5. Phân biệt hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi hạn chế cạnh tranh**

Có hai nội dung cần phải xác định đối với hành vi hạn chế cạnh tranh là:

*Thứ nhất*, chủ thể thực hiện hành vi có thể là một doanh nghiệp hoặc một nhóm doanh nghiệp, các doanh nghiệp này hoặc là đã có sức mạnh thị trường,

hoặc hướng đến việc hình thành nên sức mạnh thị trường bằng cách thỏa thuận hoặc tập trung kinh tế;

*Thứ hai*, các hành vi được thực hiện nhằm mục tiêu làm biến dạng cạnh tranh, sự biến dạng của cạnh tranh có thể là làm thay đổi cấu trúc thị trường, thay đổi tương quan cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, loại bỏ đối thủ, ngăn cản đối thủ tiềm năng để làm giảm đi sức ép cạnh tranh hiện có hoặc sẽ có, bóc lột khách hàng....Thông thường, hành vi hạn chế cạnh tranh bao gồm ba dạng hành vi là thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh hoặc độc quyền để hạn chế cạnh tranh và tập trung kinh tế.

Như vậy, so với hành vi CTKLM, thì các hành vi hạn chế cạnh tranh có khả năng gây thiệt hại cao hơn. Đồng thời do sự xuất hiện của quyền lực thị trường nên các biện pháp trừng phạt mang tính dân sự như bồi thường thiệt hại hay cải chính công khai sẽ không thể phát huy hiệu quả một cách tối ưu. Vì lẽ đó, công quyền thường không thể sử dụng cùng một loại biện pháp trừng phạt giống nhau để áp dụng cho cả hai loại hành vi trên.

### **1.1.2. Pháp luật chống CTKLM**

#### **1.1.2.1. Đặc điểm và cơ cấu của pháp luật cạnh tranh**

Mục tiêu của pháp luật cạnh tranh là thực hiện việc bảo hộ năng lực cạnh tranh thực tế của các doanh nghiệp trong một thị trường và điều này đồng nghĩa với việc pháp luật cạnh tranh là chất xúc tác tạo ra sức cạnh tranh mới cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Cụ thể, có thể tóm lược một số đặc điểm cơ bản của pháp luật cạnh tranh như sau :

- Có tính không triệt để trong nội dung điều chỉnh;
- Các quy định của pháp luật cạnh tranh không bao giờ quy định triệt để và toàn bộ các quy phạm pháp luật cạnh tranh tồn tại trong nền kinh tế xã hội;
- Pháp luật cạnh tranh đặt ra các điều khoản mở cho phép cơ quan nhà nước có ảnh hưởng sâu rộng tới cạnh tranh, cho phép cơ quan có thẩm quyền quản lý cạnh tranh, áp dụng pháp luật cạnh tranh một cách linh hoạt;
- Đối với các hành vi bị cấm trong luật: bên cạnh một số hành vi bị cấm tuyệt đối, nhiều hành vi khác được xem xét một cách hợp lý cho phép cơ quan quản lý chiếu theo hoàn cảnh cụ thể của vụ việc để quyết định hành vi đó có xâm phạm tới cạnh tranh và ảnh hưởng xấu tới xã hội hay không;
- Có tính tiếp cận từ mặt trái;
- Pháp luật cạnh tranh không có chế tài riêng mà sử dụng chế tài của ngành luật khác để xử lý các vi phạm trong quá trình cạnh tranh;
- Ngoài các quy định về nội dung điều chỉnh hành vi cạnh tranh, pháp luật cạnh tranh còn có các quy định điều chỉnh hoạt động tổ tụng cạnh tranh.

#### **1.1.2.2. Sơ lược về pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh**

##### *a. Nguồn của pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh*

Nguồn của pháp luật về CTKLM tương đối đa dạng, bao gồm cả án lệ, luật tục, luật thành văn, trong đó luật thành văn có thể là quy định chung của pháp luật về dân sự, thương mại, cũng có thể là một đạo luật riêng về CTKLM, hay là rải rác các quy định nằm trong các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan.

##### *b. Cơ chế điều chỉnh hành vi cạnh tranh không lành mạnh*

Những đặc trưng trong cơ chế điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh có nguyên nhân cả về lý luận và thực tiễn. Về mặt lý luận, cho đến nay cho dù đã có nhiều học thuyết tiếp cận nghiên cứu, nhưng các nhà làm luật không thể đưa ra kết luận cụ thể về nội hàm khái niệm cạnh tranh lành mạnh, vốn bao trùm lên nhiều lĩnh vực khác nhau. Về mặt thực tiễn, hoạt động cạnh tranh cũng chính là hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thương nhân trên thương trường, hết sức đa dạng và phong phú. Do đó, không thể đưa vào luật một danh sách những hành vi được coi là cạnh tranh lành mạnh để hướng dẫn cho những doanh nghiệp, thương nhân tham gia thị trường. Quy định đóng khung các hành vi cạnh tranh “được phép” sẽ kìm hãm, ngăn cản sự sáng tạo trong kinh doanh, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế. Cách tiếp cận từ mặt trái của cạnh tranh phù hợp với nguyên tắc chung của tự do trong kinh doanh, theo đó cá nhân, tổ chức kinh doanh có thể tự do “làm những việc mà pháp luật không cấm”.

*c. Các nhóm hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị điều chỉnh*

Điều 10 bis Công ước Paris đã đưa ra một danh sách không đầy đủ bao gồm ba hình thức CTKLM đặc biệt bị cấm như sau:

- Mọi hành vi nhằm gây ra sự nhầm lẫn, bằng bất kỳ phương tiện nào, với cơ sở, hàng hoá hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh.

- Những tuyên bố sai trái trong công việc kinh doanh nhằm làm mất uy tín của cơ sở, hàng hoá hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh.

- Những chỉ dẫn hoặc tuyên bố sử dụng trong quá trình kinh doanh nhằm lừa dối công chúng về bản chất, quy trình sản xuất, đặc điểm, sự phù hợp về mục đích, hoặc số lượng của hàng hoá.

Xét một cách khái quát, các hành vi CTKLM được mô tả trên đây có cùng một bản chất là việc tạo ra những lợi thế không chính đáng trong tương quan cạnh tranh trên thị trường, và có thể được chia thành ba nhóm: (1) Các hành vi mang tính chất lợi dụng; (2) Các hành vi mang tính chất công kích; và (3) Các hành vi lừa dối, lôi kéo khách hàng

## **1.2. Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ**

### **1.2.1. Vị trí của pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống pháp luật kinh tế**

- *Quan hệ với pháp luật dân sự*: Pháp luật về dân sự là luật chung điều chỉnh về các quan hệ giao dịch cũng như giải quyết các tranh chấp trên thị trường. Pháp luật dân sự là luật gốc để phát triển các quy định về CTKLM, cho dù các quy định này trong khuôn khổ một đạo luật riêng, hay nằm trong các bộ phận khác nhau của pháp luật dân sự như pháp luật thương mại, pháp luật về SHTT hay pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng.

- *Quan hệ với pháp luật về SHTT*: mối quan hệ giữa pháp luật chống CTKLM và pháp luật về SHTT có từ rất lâu. Bảo vệ quyền SHTT chính là một trong những xuất phát điểm cơ bản của các quy định CTKLM, vì về bản chất, các hành vi xâm phạm quyền SHTT đều được tiến hành với động cơ CTKLM. Pháp luật về CTKLM trong nhiều trường hợp được coi là công cụ hỗ trợ cho việc thực thi pháp luật về SHTT.

- *Quan hệ với pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng*: Pháp luật về CTKLM ngày càng có xu hướng tiếp cận gần hơn với pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng khi đặt trọng tâm bảo vệ người tiêu dùng bên cạnh trọng tâm bảo vệ các đối thủ cạnh tranh và môi trường cạnh tranh nói chung.

- *Quan hệ với pháp luật về hạn chế cạnh tranh*:

Cuối cùng, pháp luật về CTKLM cũng có sự gắn bó với bộ phận thứ hai của pháp luật cạnh tranh nói chung, đó là pháp luật về hạn chế cạnh tranh. Có thể hình dung nếu như hành vi hạn chế cạnh tranh là những hành vi đẩy lùi cạnh tranh, làm cạnh tranh vận hành dưới mức bình thường, dẫn đến triệt tiêu cạnh tranh, thì CTKLM là những hành vi đẩy cạnh tranh lên quá mức, khiến nó vận hành quá nóng, vượt khỏi các giới hạn có thể chấp nhận được của thị trường và xã hội.

Hai bộ phận pháp luật trên đây bổ sung cho nhau, tạo thành khuôn khổ pháp luật chung điều chỉnh cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Thiếu một trong hai bộ phận, cơ cấu thị trường cũng như tương quan lợi ích của các chủ thể hoạt động trên đó sẽ không thể được bảo vệ một cách đầy đủ và toàn diện.

### **1.2.2. Khái niệm cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ**

Hiện nay, theo Điều 130 Luật SHTT, hành vi CTKLM trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ bao gồm:

- Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ; xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

- Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế mà Việt Nam cũng là thành viên, mà ở đó cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng.

- Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

Cũng theo Điều 130, chỉ dẫn thương mại là các “dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn thương mại hàng hoá, dịch vụ, bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá”. Cần lưu ý là nhãn hàng hoá khác nhãn hiệu hàng hoá, và không cần phải được đăng ký mới được coi là chỉ dẫn thương mại.

Hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại quy định tại Điều 130 bao gồm các hành vi: gắn chỉ dẫn thương mại đó lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ; giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện quảng cáo; bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu hàng hoá có gắn chỉ dẫn thương mại đó.

Như vậy có sự khác biệt giữa hành vi CTKLM theo Luật Thương mại và theo Luật SHTT. Thí dụ vụ một số cơ sở sản xuất nệm mút và nệm lò xo kiện công ty Kymdan do đã đưa tin quảng cáo sai lệch về tính chất hàng hoá của đối thủ cạnh tranh, nhằm lôi kéo khách hàng có thể bị coi là hành vi CTKLM trong

lĩnh vực thương mại. Tuy nhiên, các hành vi trên không liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp nên không chịu sự điều chỉnh của Luật SHTT.

Hình thức CTKLM phổ biến nhất hiện nay là CTKLM trong lĩnh vực nhãn sản phẩm. Thông thường một vụ việc CTKLM dạng này cũng có thể phát triển thành một vụ việc về xâm phạm nhãn hiệu, nếu như các yếu tố chỉ dẫn thương mại bị sử dụng được đăng ký bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu. Trong trường hợp các yếu tố này không được đăng ký nhãn hiệu, chủ thể quyền mới yêu cầu xử lý hành vi CTKLM.

### **1.2.3. Phân biệt hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ và hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ**

**Một là phạm vi áp dụng**, chỉ có thể tạo thành hành vi vi phạm quyền SHTT khi có một quyền SHTT hợp pháp đang được bảo hộ bị xâm phạm. Nói một cách khác đi sẽ không có khái niệm về vi phạm quyền SHTT khi mà quyền đó không hề tồn tại, ví dụ như trường hợp một nhãn hiệu không đăng ký thì không thể căn cứ vào pháp luật về SHTT để bảo vệ khi bị xâm phạm. Tuy nhiên, cũng trong trường hợp này lại hoàn toàn có thể áp dụng Luật cạnh tranh để điều chỉnh, theo đó hành vi sử dụng chỉ dẫn làm sai lệch nhận thức của khách hàng về hàng hoá, dịch vụ nhằm mục đích cạnh tranh là một dạng của hành vi CTKLM, không phụ thuộc vào việc dấu hiệu chỉ dẫn đó đã được đăng ký hay chưa. Từ sự phân tích này có thể thấy những “đối tượng có liên quan đến SHTT” thuộc phạm vi áp dụng Luật cạnh tranh rộng hơn so với pháp luật về SHTT. Các đối tượng như khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng, bao bì... nếu không được bảo hộ bằng các quy định riêng về SHTT thì hoàn toàn có thể tìm thấy cơ sở pháp lý để bảo vệ trong Luật cạnh tranh.

**Hai là yếu tố chủ thể**, không thể nói đến hành vi CTKLM khi mà trên thực tế các chủ thể không ở trong vị thế “cạnh tranh” với nhau. Cụ thể, chỉ có thể kết luận về hành vi CTKLM nếu các chủ thể có hành vi bị cấm đối với đối thủ cạnh tranh trên thị trường liên quan, bao gồm thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan (Điều 3 khoản 1 Luật cạnh tranh) theo nguyên tắc được pháp luật các nước thừa nhận rằng “*Mọi thương nhân trung thực phải có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để cá biệt hoá sản phẩm của mình nhằm không gây nhầm lẫn với sản phẩm khác*”.

**Ba là yếu tố lỗi**, hành vi CTKLM là hành vi có lỗi cố ý theo pháp luật hiện hành cũng như được ghi nhận từ lâu trong pháp luật các nước. Điều 40 của Luật cạnh tranh chỉ rõ hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn phải “nhằm mục đích cạnh tranh”, do đó không thể nói tới CTKLM khi mà chủ thể không biết mình đang thực hiện hành vi bị cấm. Đối với lĩnh vực SHTT, lỗi không phải là yếu tố bắt buộc cấu thành hành vi vi phạm. Một khi các đối tượng của quyền SHTT đã được đăng ký theo đúng trình tự pháp luật quy định thì các chủ thể khác được suy đoán là đã biết tới quyền của chủ thể quyền. Do đó, sẽ cấu thành hành vi vi phạm quyền SHTT mọi hành vi thuộc độc quyền của chủ sở hữu quyền SHTT mà không được chủ sở hữu cho phép.

Trên cơ sở xác định đúng mục đích điều chỉnh và bản chất hành vi như trên, chúng ta có thể dễ dàng lựa chọn quy phạm pháp luật để điều chỉnh. Những trường hợp xâm phạm quyền SHTT với ý thức chủ quan rõ ràng là nhằm mục đích tư lợi thì áp dụng các quy định của pháp luật bảo hộ quyền



SHTT để giải quyết còn những trường hợp xâm phạm quyền SHTT nhằm mục đích CTKLM thì phải áp dụng các quy định của pháp luật chống CTKLM để giải quyết.

#### **1.2.4. Phân loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

Ở Việt Nam, các hành vi CTKLM liên quan đến SHCN được quy định tại Điều 130 Luật SHTT 2005 bao gồm các hành vi:

a) Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ;

b) Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ;

c) Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là thành viên, nếu người sử dụng là người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu và việc sử dụng đó không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng;

d) Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng”.

#### **1.2.5. Vai trò của các quy định chống cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ**

Trong Luật SHTT, các quy định về chống CTKLM trong lĩnh vực SHTT có những vai trò cơ bản sau:

##### *a. Nhằm hỗ trợ cho việc bảo hộ có hiệu quả các đối tượng SHTT*

Đây cũng chính là khẳng định của ban soạn thảo luật SHTT khi quyết định đưa điều khoản CTKLM vào luật SHTT. Ban soạn thảo đã khẳng định: “Luật SHTT chỉ quy định hành vi CTKLM liên quan đến các đối tượng SHTT nhằm hỗ trợ cho việc bảo hộ có hiệu quả các đối tượng này chứ không bao trùm tất cả các loại hành vi CTKLM như quy định của Luật Cạnh tranh.”

##### *b. Bổ sung cho các quy định của Luật cạnh tranh về lĩnh vực CTKLM liên quan đến SHTT*

Ta có thể thấy, các văn bản điều chỉnh hành vi CTKLM hiện nay có rất nhiều các văn bản luật khác nhau, tuy nhiên có thể nói, Luật cạnh tranh 2004 là văn bản điều chỉnh một cách tổng quan và đầy đủ nhất đối với lĩnh vực cạnh tranh nói chung và các hành vi CTKLM nói riêng. Luật cạnh tranh gồm 2 phần chính: phần 1 điều chỉnh các hành vi hạn chế cạnh tranh và phần 2 điều chỉnh các hành vi CTKLM. Luật cạnh tranh đưa ra khái niệm về hành vi CTKLM (Điều 3, khoản 4) và liệt kê các hành vi bị coi là hành vi CTKLM (Điều 39). Tuy nhiên như đã nói, các hành vi này chỉ là những hành vi thường xuyên và phổ biến nhất mà thôi và các hành vi CTKLM luôn luôn thay đổi mà các nhà làm luật không thể nào lường trước được nên bên cạnh 9 hành vi CTKLM được liệt kê, luật cạnh tranh cũng đưa ra một quy định mở để những người thi hành

pháp luật có thể linh hoạt áp dụng (Điều 39, khoản 10). Và có thể nói, các quy định này là những quy định chung nhất về các hành vi CTKLM và trên rất nhiều lĩnh vực khác nhau như SHCN quảng cáo, thương mại. Tuy nhiên, bên cạnh luật cạnh tranh, hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam còn nhiều văn bản pháp luật khác điều chỉnh các hành vi cạnh tranh nhưng trong từng lĩnh vực cụ thể tương ứng, ví dụ như luật quảng cáo, luật thương mại, và luật SHTT. Và các luật này về nguyên tắc sẽ là luật chuyên ngành còn luật Cạnh tranh sẽ là luật chung trong lĩnh vực cạnh tranh. Như vậy ta thấy cùng với các luật khác, mối tương quan giữa các quy định của Luật SHTT 2005 về các hành vi CTKLM liên quan đến SHCN là một lĩnh vực cụ thể của luật cạnh tranh. Vậy nên về mặt nguyên tắc khi áp dụng pháp luật để xử lý các hành vi CTKLM liên quan đến SHCN sẽ ưu tiên áp dụng “luật chuyên ngành” trước, đó là Luật SHTT, và chỉ khi các quy định trong luật SHTT không thể giải quyết được tranh chấp đó thì các chủ thể sẽ sử dụng theo các quy định của luật cạnh tranh để giải quyết.

## **CHƯƠNG 2**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

#### **2.1. Các dạng hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

##### **2.1.1. Chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn**

##### **2.1.1.1. Khái niệm chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn**

Theo Luật Cạnh tranh 2004, chỉ dẫn gây nhầm lẫn được hiểu là chỉ dẫn chứa đựng thông tin gây nhầm lẫn về tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, bao bì, chỉ dẫn địa lý và các yếu tố khác để làm sai lệch nhận thức của khách hàng về hàng hóa, dịch vụ nhằm mục đích cạnh tranh. Luật Cạnh tranh cấm doanh nghiệp sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn và kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn.

Điều 130 Luật SHTT 2005 cũng quy định chỉ dẫn thương mại là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn thương mại hàng hoá, dịch vụ, bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá. Hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại bao gồm các hành vi gắn chỉ dẫn thương mại đó lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện quảng cáo; bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu hàng hoá có gắn chỉ dẫn thương mại đó.

##### **2.1.1.2. Thực tiễn hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn**

Hành vi sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn (CDGNL) chủ yếu được biểu hiện qua các vi phạm liên quan đến chỉ dẫn thương mại (tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá, chỉ dẫn địa lý). Thực tế cạnh tranh cho thấy, không chỉ trước đây (trước khi ban hành Luật Cạnh Tranh 2004) mà hiện nay, các vi phạm này vẫn khá phổ biến, ngày càng tinh vi hơn, thể hiện dưới nhiều dạng, trong đó tập trung

vào hành vi gây nhầm lẫn về tên gọi, xuất xứ hàng hoá, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hoá và kiểu dáng công nghiệp.

*Hành vi gây nhầm lẫn về tên gọi xuất xứ hàng hoá, chỉ dẫn địa lý:* Các hành vi CTKLM xâm phạm đến tên gọi xuất xứ hàng hoá tuy chưa phổ biến so với nhiều loại hành vi không lành mạnh khác, nhưng cũng không phải là hiếm, tập trung vào những địa danh có "đặc sản nổi tiếng riêng có", điển hình là tên gọi xuất xứ.

*Hành vi gây nhầm lẫn về nhãn hiệu hàng hoá (hàng nhái), bao bì, kiểu dáng công nghiệp:* Có thể nói đây là các hành vi vi phạm rất phổ biến và cũng khá đa dạng trên thị trường. Hành vi gây nhầm lẫn về nhãn hiệu hàng hoá đều tập trung vào những nhãn hiệu nổi tiếng, vì đây được coi là một lợi thế kinh doanh đặc biệt quan trọng, tạo nên lợi thế so sánh về sản phẩm.

### **2.1.1.3. Một số đặc điểm về hành vi chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn trong Luật SHTT 2005**

*Điều 130, luật SHTT quy định:*

- *Về chủ thể thực hiện hành vi:* hành vi CTKLM dưới hình thức sử dụng CDGNL là hành vi được quy định trong Luật SHTT 2005, do đó, nó bị chi phối bởi các quy định chung về đối tượng áp dụng được nêu tại Điều 2 của đạo luật này. Theo đó, các quy định về CTKLM trong Luật SHTT 2005 có đối tượng áp dụng rộng bao gồm không chỉ các tổ chức, cá nhân Việt Nam mà gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Như vậy, chủ thể thực hiện hành vi CTKLM liên quan đến chỉ dẫn thương mại theo quy định của Luật SHTT 2005 rộng hơn so với Luật Cạnh tranh 2004. Và do đó sẽ có những khả năng sau đây xảy ra liên quan đến chủ thể thực hiện hành vi khi tiến hành áp dụng pháp luật:

*Trường hợp thứ nhất:* Chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khách quan (các quy định về sử dụng CDGNL) thuộc đối tượng điều chỉnh của cả Luật Cạnh tranh 2004 và Luật SHTT 2005.

*Trường hợp thứ hai:* Chủ thể tuy vi phạm các quy định pháp luật khách quan, nhưng chỉ thuộc chủ thể được quy định tại Luật SHTT 2005, không thuộc chủ thể được điều chỉnh bởi Luật Cạnh tranh 2004.

- *Về các đối tượng thuộc chỉ dẫn thương mại bị xâm phạm* theo quy định của Luật SHTT 2005, nếu đối chiếu với Điều 40 Luật Cạnh tranh 2004 (không tính quy phạm "mở" được quy định tại Điều 39) là "rộng" và cụ thể hơn so với Luật Cạnh tranh 2004. Bởi như đã trình bày ở trên, Luật SHTT 2005 còn quy định cả các chỉ dẫn gây nhầm lẫn về nhãn hiệu hàng hoá.

### **2.1.2. Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước thành viên là thành viên của Điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó**

Theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 130 Luật SHTT, hành vi sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước thành viên là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó bị coi là hành vi CTKLM khi thoả mãn đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Nhân hiệu được sử dụng được bảo hộ theo điều ước quốc tế mà Việt Nam cũng là thành viên;
- Điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhân hiệu sử dụng nhân hiệu;
- Người sử dụng nhân hiệu là người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhân hiệu;
- Việc sử dụng không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhân hiệu và không có lý do chính đáng.

### **2.1.3. Đăng ký sử dụng tên miền bất hợp pháp**

Theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 130 Luật SHTT, hành vi “ăn cắp” tên miền bị coi là một trong những hành vi CTKLM. Cụ thể, đó là hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhân hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý của mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhân hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

### **2.2. Xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

Thực tế cho thấy các quy định về hành vi CTKLM là quy định cấm, vậy nên để quy định này có hiệu lực, để có thể ngăn chặn một cách tốt nhất các hành vi CTKLM liên quan đến SHTT trên thực tế thì việc xử lý các hành vi này là rất quan trọng. Xuất phát từ bản chất các hành vi CTKLM này là một quan hệ tư giữa các chủ thể, vậy nên việc giải quyết bởi các chế tài dân sự là quan trọng nhất. Tuy nhiên, ngày nay các hoạt động cạnh tranh ngày càng phát triển nhanh chóng, và các hành vi CTKLM khi xảy ra trên thực tế sẽ làm ảnh hưởng đến thị trường cạnh tranh trong nước và sự phát triển của nền kinh tế. Vậy nên để đảm bảo cho việc hạn chế CTKLM thì sự tham gia của nhà nước vào các quan hệ này ngày càng lớn và rất cần thiết. Do đó, có một biện pháp xử lý khác cũng được áp dụng đối với các hành vi CTKLM này là các biện pháp hành chính. Và theo quy định tại Điều 198, khoản 3 Luật SHTT thì “Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi CTKLM có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự quy định tại Điều 202 của Luật này và các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh”.

Trước tiên ta xem xét về chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp xử lý đó là các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi CTKLM. Như vậy bất kỳ một chủ thể nào không nhất thiết phải là chủ thể quyền SHTT khi bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi CTKLM đều có quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp dân sự và hành chính. Quy định này cho phép cả những chủ thể có nguy cơ bị gây thiệt hại cũng có quyền khởi kiện và điều này có nghĩa là một hành vi CTKLM không nhất thiết phải gây thiệt hại trên thực tế mới bị áp dụng các biện pháp xử lý, mà ngay cả khi bị phát hiện có nguy cơ gây thiệt hại thì chủ thể đó đã bị coi là có hành vi CTKLM và có thể bị xử lý theo quy định. Quy định này có ý nghĩa ngăn chặn các hành vi CTKLM và ngăn chặn hậu quả thực tế của các hành vi này. Và việc cho phép bất kỳ chủ thể nào cũng được quyền yêu cầu xử lý các hành vi CTKLM cũng là một điểm khác biệt cơ bản giữa hành vi CTKLM và hành vi

xâm phạm quyền. Vì hành vi xâm phạm quyền là hành vi tác động trực tiếp đến quyền SHTT đã được bảo hộ của chủ sở hữu quyền, vậy nên chỉ có chủ thể quyền là chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp dân sự để giải quyết còn các chủ thể khác chỉ “được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan” - Điều 198, khoản 2 luật SHTT.

### **2.2.1. Xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự**

Các biện pháp dân sự mà các chủ thể được yêu cầu áp dụng đó là các biện pháp ở Điều 202 Luật SHTT. Các biện pháp này bao gồm: “1. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; 2. Buộc xin lỗi, cải chính công khai; 3. Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; 4. Buộc bồi thường thiệt hại; 5. Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền SHTT với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền SHTT”. Đây cũng chính là các biện pháp dân sự được áp dụng để xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT của chủ sở hữu. Và chủ thể có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự này đó là tòa án. Nhìn chung thì “các biện pháp dân sự được quy định từ khoản 1 đến khoản 4 là phù hợp với các quy định tại Điều 9 Bộ luật Dân sự, tuy nhiên biện pháp số 5 là biện pháp được bổ sung vào nhằm đáp ứng các yêu cầu tại điểm a, b khoản 4 Điều 12 của BTA và Điều 46 của hiệp định TRIPS”.

Có thể nói, trong các biện pháp dân sự mà các chủ thể được quyền yêu cầu áp dụng thì biện pháp buộc bồi thường thiệt hại là biện pháp được áp dụng thường xuyên nhất và là biện pháp giúp bảo vệ quyền lợi của các chủ thể bị thiệt hại một cách tốt nhất. Theo đó, thì nếu có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì nguyên đơn phải chứng minh thiệt hại thực tế đã xảy ra và nêu căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại. Như vậy với yêu cầu bồi thường thiệt hại thì dường như các cá nhân, tổ chức có nguy cơ bị thiệt hại không thể yêu cầu áp dụng biện pháp này vì hành vi CTKLM của bị đơn chưa gây ra thiệt hại thực tế.

Thiệt hại do hành vi CTKLM có thể được xác định dựa theo các tiêu chí xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT được quy định tại Điều 204 Luật SHTT. Theo đó thiệt hại sẽ bao gồm thiệt hại về vật chất - “các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại”. Còn các thiệt hại về tinh thần thì không được áp dụng trong trường hợp này vì theo điểm b, khoản 1, điều 204 thì thiệt hại về tinh thần chỉ áp dụng đối với những tổn thất gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng mà thôi. Và căn cứ xác định mức bồi thường cũng sẽ được xác định theo quy định tại điều 205 về căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT.

Về nghĩa vụ chứng minh của các chủ thể trong trường hợp này. Theo quy định tại Điều 203, khoản 3 Luật SHTT thì “Nguyên đơn phải cung cấp các chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền SHTT hoặc hành vi CTKLM”. Như vậy

thì nghĩa vụ chứng minh hành vi CTKLM là thuộc về các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi CTKLM của bị đơn.

Có thể nói việc bổ sung các quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp dân sự trong Luật SHTT là phù hợp với bản chất của quan hệ giữa các chủ thể cạnh tranh đồng thời cũng đã giúp đảm bảo các quyền lợi chính đáng của các chủ thể bị CTKLM và phù hợp với thông lệ quốc tế.

### **2.2.2. Xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ bằng các biện pháp hành chính**

Bên cạnh áp dụng biện pháp dân sự thì các biện pháp hành chính cũng là một trong những biện pháp được áp dụng để xử lý hành vi CTKLM liên quan đến SHTT. Theo quy định tại Điều 198 khoản 3 thì tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi CTKLM có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng... các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh. Như vậy Luật SHTT chỉ quy định về biện pháp dân sự còn biện pháp hành chính được quy định dẫn chiếu sang các quy định của luật cạnh tranh tương ứng và như vậy thì trình tự tố tụng sẽ là tố tụng cạnh tranh. Và các quy tắc tố tụng này được áp dụng theo các quy định tại chương V, điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh; chương III của Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh. Theo đó, thời hiệu khiếu nại sẽ là 2 năm kể từ ngày hành vi có dấu hiệu CTKLM được thực hiện. Và bên khiếu nại có nghĩa vụ phải cung cấp chứng cứ để chứng minh hành vi bị khiếu nại đã xâm phạm hoặc có nguy cơ xâm phạm đến quyền và lợi ích của người khiếu nại. Và đơn khiếu nại sẽ được gửi đến cơ quan quản lý cạnh tranh và sẽ do cơ quan này thụ lý. Nếu không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ nội dung quyết định xử lý các bên có quyền khiếu nại lên Hội đồng cạnh tranh. Và các biện pháp xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Và mức phạt tiền được áp dụng theo các quy định tại nghị định 120/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/9/2005 quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh. Theo đó có 2 khung mức phạt hành chính là từ 5-10 triệu và 10-20 triệu. Tuy nhiên, có thể nói, đối với một hành vi CTKLM thì mức phạt hành chính như vậy là quá thấp so với hậu quả mà doanh nghiệp và người tiêu dùng phải gánh chịu, vậy nên sức răn đe là chưa cao.

Tại một số quốc gia đã đưa ra quy tắc “lợi nhuận thu được của chủ thể có hành vi CTKLM sẽ đương nhiên thuộc về chủ thể bị CTKLM”, như vậy mức phạt do thực hiện hành vi CTKLM sẽ xác định trên cơ sở lợi nhuận mà chủ thể thực hiện hành vi CTKLM thu được, và đây cũng là một kinh nghiệm mà Việt Nam cần học hỏi.

Tuy nhiên ta lại thấy trong Luật Cạnh tranh cũng như nghị định 120 này lại hoàn toàn không có chế tài để xử lý hai hành vi CTKLM liên quan đến SHTT đó là hành vi sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ của đại diện hoặc đại lý và hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền nhằm mục đích cạnh tranh, do đó các quy định về hai hành vi này của Luật SHTT sẽ không thể xử lý được theo các quy định của luật Cạnh tranh và có nguy cơ không đi vào cuộc sống vì không có chế tài xử lý

### **CHƯƠNG 3**

## **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT**

### **3.1. Thực trạng hoạt động chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

#### **3.1.1. Thực trạng các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

Mặc dù Luật SHTT đã được đưa vào áp dụng từ lâu nhưng thực tế cho thấy tình trạng vi phạm pháp luật về SHTT và xâm phạm quyền SHTT không hề giảm đi mà có chiều hướng ngày càng phức tạp hơn. Theo thống kê của Thanh tra Bộ Khoa học - Công nghệ, từ năm 2006 đến 2008, lực lượng thanh tra, kiểm tra của Bộ và các địa phương đã phát hiện, xử lý trên 19.167 vụ xâm phạm quyền SHTT, tổng số tiền phạt trên 16 tỷ đồng, tịch thu và xử lý nhiều phương tiện, tang vật vi phạm hành chính khác. Các vi phạm quyền SHTT xảy ra trong mọi lĩnh vực kinh tế: sao chép băng đĩa, in sách lậu, phần mềm, SHCN, nhãn hàng hóa, thực phẩm...ở khắp cả nước.

Luật SHTT đã chỉ rõ có 3 nhóm hành vi CTKLM liên quan đến SHTT, trong đó thì nhóm hành vi đầu tiên - hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn - là diễn ra phổ biến hơn cả. Có thể kể ra một số vụ tranh chấp điển hình liên quan đến hành vi này đã bị xử lý. Hành vi đầu tiên bị xử lý đó là hành vi của công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (HaTaphar) theo quyết định số 129/QĐ của Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ. Và đây là quyết định xử lý hành vi CTKLM đầu tiên được xử lý ở Việt Nam. Hành vi của công ty CP Dược Phẩm Hà Tây là “sản xuất các sản phẩm thuốc gắn nhãn GASTRODIC, trong đó vỏ hộp thuốc và vỏ gói thuốc có cách trình bày các chi tiết, màu sắc, kiểu dáng, bao bì, kiểu chữ, cỡ chữ tương tự như cách trình bày trên bao bì sản phẩm thuốc mang nhãn hiệu GASTROPULGITE, do Cty S.C.R.A.S (Pháp) thuộc tập đoàn IPSEN sản xuất. Việc Cty Cổ phần dược phẩm Hà Tây sử dụng các chỉ dẫn thương mại như trên đã gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và thể hiện là hành vi CTKLM (theo quy định tại Điều 130 Luật SHTT ), vi phạm điểm a, khoản 2, Điều 30 Nghị định 120/2005/NĐ- CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh. Ngoài ra, Thanh tra Bộ KH&CN cũng đã ra quyết định xử phạt Cty Xuyên Á do có hành vi phân phối sản phẩm thuốc trên cho Cty cổ phần dược phẩm Hà Tây. Sau đó, toàn bộ số hàng vi phạm trên đã bị tiêu hủy. Và theo ông Lê Văn Kiều, Chánh thanh tra Bộ Khoa học Công nghệ thì từ trước đến nay các hành vi vi phạm về SHCN bị xử phạt rất nhiều, nhưng không có trường hợp nào bị xử lý về hành vi CTKLM. Mặc dù Nghị định số 54 ngày 03/10/2000 của Chính phủ có nội dung về bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống CTKLM liên quan tới SHTT, nhưng chỉ đề cập về mặt quản lý, không quy định việc xử phạt nên các hành vi CTKLM đều thoát. Nhưng đến khi có Nghị định 120/2005/NĐ - CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm

pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh thì đã có chế tài đầy đủ và Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây là doanh nghiệp đầu tiên bị xử phạt theo hành vi này.

Ngoài ra, còn rất nhiều các hành vi khác thường xuyên diễn ra, như: các hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về tên gọi xuất xứ hàng hoá thường tập trung vào những địa danh có đặc sản nổi tiếng.

\* Đối với nhóm hành vi thứ 2 - hành vi sử dụng nhãn hiệu nước ngoài tại Việt Nam mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu đó trên thực tế tại Việt Nam hiện nay chưa xảy ra tranh chấp nào. Nhưng trên thực tế rất nhiều các doanh nghiệp Việt Nam đã bị thực hiện các hành vi này tại nước ngoài.

Có thể nói quy định này của Luật SHTT mới chỉ có tính dự phòng các trường hợp xảy ra mà thôi chứ chưa đi vào thực tế. Nhưng cũng xuất phát từ vị trí những doanh nghiệp Việt Nam bị thiệt hại do việc thực hiện hành vi này tại nước ngoài nên ta thấy, quy định này là cần thiết. Tuy nhiên để đảm bảo cho quyền lợi của các doanh nghiệp Việt Nam thì Việt Nam nên kí kết các hiệp định nhằm điều chỉnh vấn đề này, vì thực tế hiện nay, rất nhiều các doanh nghiệp Việt Nam đã gây dựng được cho mình một nhãn hiệu mạnh nên khả năng bị xâm phạm là rất nhiều.

\* Với nhóm hành vi thứ 3 là hành vi đăng kí, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn.

Có thể nói, thực trạng diễn ra các hành vi CTKLM liên quan đến SHTT đang diễn ra đúng như nhận định của Bà Trương Thủy Trang, Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh tại hội thảo "CTKLM trong lĩnh vực SHTT" do sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh tổ chức: "CTKLM trong SHTT hiện đang là vấn đề nóng và diễn ra thường xuyên, ở tất cả mọi lĩnh vực ngành nghề gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp và gây ra sự nhầm lẫn, lừa dối đối với người tiêu dùng. Nguyên nhân của những hành vi CTKLM là do nhận thức và hiểu biết của doanh nghiệp chưa đầy đủ và đúng đắn. Bên cạnh đó, có những động cơ chủ tâm, nhằm mục đích gây ra thiệt hại, làm cản trở đến thương mại bình thường của đối thủ cạnh tranh. Các điều kiện phát sinh diễn ra CTKLM gần như luôn luôn bên cạnh nhu cầu muốn thu lợi".

### **3.1.2. Thực trạng áp dụng các quy định chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

Vậy nguyên nhân nào dẫn tới việc áp dụng Luật SHTT 2005 gặp nhiều vướng mắc. Theo chúng tôi, có một số nguyên nhân sau:

*Thứ nhất*, do sự thiếu chủ động hợp tác của các doanh nghiệp Việt Nam. Không ít doanh nghiệp chưa chủ động trong việc tự bảo vệ tài sản cho chính mình. Rất nhiều doanh nghiệp thờ ơ, thậm chí không muốn dính dáng đến việc kiện tụng khi có tranh chấp với lý do đơn giản là ngại tốn kém, ngại ảnh hưởng đến uy tín...

*Thứ hai*, lực lượng thực thi nhiều nhưng chống chéo và thiếu sự phối hợp. Trình độ của một số cán bộ thực thi quyền SHTT chưa cao, nhận định, xử phạt còn lúng túng.



*Thứ ba*, Việt Nam chưa có cơ quan giám định về SHTT chính thức dẫn đến việc giám định về SHTT còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

*Thứ tư*, việc xử phạt các hành vi CTKLM có liên quan đến SHTT còn quá thiên về xử phạt hành chính mà không có (hoặc có ít) các biện pháp mạnh mẽ hơn để ngăn chặn các hành vi này tái diễn.

Và *nguyên nhân cuối cùng*, chúng tôi cho rằng các quy định và các chế tài xử phạt của Việt Nam còn lỏng lẻo và có nhiều bất cập. Chẳng hạn, một số bất cập về quyền tác giả, quyền liên quan...

### **3.2. Những kiến nghị nhằm hoàn thiện Pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

*Thứ nhất*, hoàn thiện các quy định của pháp luật về CTKLM bao gồm cả xây dựng các quy định để giải quyết xung đột pháp luật và phân định thẩm quyền giữa các cơ quan thực thi. Đây là một nội dung hết sức cần thiết xét trên hoàn cảnh, điều kiện Việt Nam có cơ chế thực thi pháp luật chung tương đối cứng nhắc và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước còn hạn chế. Cụ thể, từ 19/1/2006, Việt Nam đã có chương trình hành động số 168 liên bộ về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2006 - 2010, đồng thời hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện tại các địa phương. Tính đến 2009, sau 3 năm thực hiện, công tác phòng và chống những hành vi vi phạm Luật SHTT ít nhiều đã được thực thi giải quyết. Tuy nhiên, nhiều vụ tranh chấp quyền SHTT qua nhiều năm vẫn chưa ngã ngũ, ngành chức năng còn “bối rối” khi đưa ra kết luận xử lý. Ví dụ, vụ Công ty Societe Produits Nestlé S.A của Thụy Sĩ tố cáo công ty TNHH Gold Roast Việt Nam (Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, tỉnh Bình Dương) sản xuất café sữa “Gold Roast” trên nhãn hiệu có “hình cốc đỏ” tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu “hình cốc đỏ” (bao gồm cả màu sắc) đã được bảo hộ cho các sản phẩm café thuộc nhóm 30. Thanh tra tỉnh Bình Dương đã kiểm tra và kết luận Gold Roast đã vi phạm Luật SHCN, phạt hành chính đơn vị 100 triệu đồng. Gold Roast đã nhờ Viện nghiên cứu SHTT thẩm định và đơn vị này kết luận không gây nhầm lẫn, vì thế Gold Roast khiếu kiện quyết định xử phạt này tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương đã trưng cầu giám định vì cho rằng kết luận của Cục SHTT và Viện Nghiên cứu SHTT không phải là văn bản giám định. Tuy nhiên không nhờ được đơn vị nào nên tòa đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Gold Roast Việt Nam. Vì thế, doanh nghiệp này tiếp tục kháng cáo lên Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đây chính là minh chứng cho việc xử lý yếu kém, chông chéo của các cơ quan thực thi pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến sự chông chéo trong xử lý này là do sự phối hợp giữa các sở, ngành tại địa phương chưa chặt chẽ, số lượng cán bộ thanh tra còn ít, chuyên môn chưa cao.

*Thứ hai*, phải từng bước cụ thể hoá, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền SHTT. Trong đó cần xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, quy định về mối liên hệ của Luật SHTT với các ngành luật liên quan. Đặc biệt, trong đó cần quy định rõ các hành vi CTKLM xâm phạm quyền SHTT sẽ được áp dụng theo các quy định của Luật Cạnh tranh.

Trong quá trình hướng dẫn thực thi Luật SHTT cũng cần ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực SHTT, trong đó quy định cụ thể nguyên tắc bồi thường, phương thức xác định mức bồi thường và việc bồi thường theo luật định, mức bồi thường phải cao hơn lợi nhuận mà người vi phạm thu được từ hành vi xâm phạm của mình, đặc biệt, mức phạt thật nghiêm khắc, nhằm răn đe và ngăn ngừa hành vi vi phạm trong tương lai.

**Thứ ba**, cần thống nhất lại quy định về hành vi sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn trong luật SHTT và quy định về hành vi sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn trong Luật cạnh tranh. Theo cách quy định tại 2 luật thì ta thấy cách tiếp cận tại 2 luật đối với hành vi này là không giống nhau: Luật SHTT coi các chỉ dẫn thương mại là các đối tượng được sử dụng để dẫn đến sự nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ; và về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ. Còn Luật cạnh tranh lại coi nhãn hiệu, tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, bao bì, chỉ dẫn địa lý không phải là các chỉ dẫn thương mại, được sử dụng để gây nhầm lẫn mà đó chính là các yếu tố bị gây nhầm lẫn.

**Thứ tư**, cần làm rõ các quy định về hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh bởi vì, theo quy định tại Điều 49 Luật cạnh tranh thì hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh là một hành vi CTKLM, nhưng khi quy định vào Luật SHTT thì hành vi này lại không bị coi là hành vi CTKLM mà lại là hành vi xâm phạm quyền SHCN. Hơn nữa, theo quy định về hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh ở Luật SHTT và Luật cạnh tranh thì các hành vi xâm phạm gần như là trùng nhau, và cùng đều có thể áp dụng các biện pháp hành chính để xử lý đối với hành vi này.

**Thứ năm**, bổ sung các quy định về xử phạt hành chính đối với các hành vi sử dụng nhãn hiệu nước ngoài gây nhầm lẫn và hành vi đăng kí, chiếm giữ quyền sử dụng và sử dụng tên miền gây nhầm lẫn... để đảm bảo cho các quy định này có thể áp dụng vào thực tiễn giải quyết. Đồng thời cũng xem xét lại về khung tiền phạt hành chính đối với hành vi sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn được quy định tại Nghị định 120.

**Thứ sáu**, trao quyền xem xét các hành vi CTKLM liên quan đến SHCN ngoài các hành vi đã được quy định tại điều 130 Luật SHTT cho tòa án để đảm bảo tính linh hoạt khi áp dụng pháp luật và có thể xử lý các hành vi CTKLM mới phát sinh.

**Thứ bảy**, cần làm rõ mối quan hệ giữa các quyết định xử lý hành vi CTKLM liên quan đến SHCN của cơ quan quản lý cạnh tranh với việc giải quyết hành vi đó theo thủ tục tố tụng dân sự. Điều này giúp nâng cao mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước, giảm bớt các giai đoạn không cần thiết trong quá trình giải quyết tranh chấp, đồng thời cũng giúp tránh xảy ra trường hợp các cơ quan sẽ đưa ra các quyết định trái ngược nhau đối với cùng một hành vi CTKLM.

**Và thứ tám** là cần tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về SHTT nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc đăng kí, xác lập quyền SHTT. Qua đó, nhằm hạn chế hành vi CTKLM liên quan đến SHTT

cũng như nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các quy định liên quan đến lĩnh vực này theo luật SHTT 2005.

### **3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng luật chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ**

Việc cụ thể hóa và hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật là yếu tố cần thiết. Song, để có thể áp dụng các quy định đó một cách hiệu quả, theo chúng tôi, cần có một số biện pháp sau:

*Một là*, phải tăng cường hơn nữa việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tích cực tham gia phòng ngừa và đấu tranh chống sản xuất, buôn bán hàng giả, xâm phạm SHTT; đưa nội dung giáo dục vào nhà trường; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về SHTT trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng. Từ đó, xây dựng ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và chống CTKLM liên quan đến SHTT nói riêng.

*Hai là*, tăng cường năng lực của hệ thống các cơ quan thực thi pháp luật.

+ Hoàn thiện tổ chức, hoạt động của hệ thống tòa án;

+ Hoàn thiện tổ chức, hoạt động của cơ quan quản lý thị trường, các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát;

+ Đối với các cơ quan thực thi quyền SHTT khác cũng cần phải nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác thực thi như mở các khóa đào tạo chuyên sâu, huấn luyện nghiệp vụ, học hỏi kinh nghiệm của các nước phát triển và cung cấp trang thiết bị cần thiết cho các cơ quan thực thi thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

*Và cuối cùng là*, trong việc xây dựng và thực thi pháp luật về CTKLM, cơ quan thực thi luôn phải đảm bảo tính cân bằng. Một mặt giữ được sự ổn định và lành mạnh của thị trường, mặt khác không làm hạn chế khả năng và động lực sáng tạo, phát triển trong kinh doanh của doanh nghiệp, với mục đích cuối cùng không phải là ngăn cản, trừng phạt các trường hợp cá biệt, mà hướng tới việc tạo dựng môi trường cạnh tranh hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội.

### **KẾT LUẬN**

Pháp luật về CTKLM có lịch sử phát triển lâu dài và có một vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi của các chủ thể tham gia nền kinh tế thị trường. Bộ phận pháp luật này có những đặc thù về phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh và mặc dù hiện nay tồn tại như một chế định của pháp luật cạnh tranh trong pháp luật nhiều nước, nó vẫn có sự gắn bó chặt chẽ và tác động qua lại với các lĩnh vực pháp luật khác, đặc biệt là pháp luật về SHTT về bảo vệ người tiêu dùng.

Mặc dù còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ và trong mối quan hệ với luật cạnh tranh - luật chung điều chỉnh lĩnh vực cạnh tranh vẫn còn những điểm chưa thống nhất, và dù cho hướng tiếp cận trong việc điều chỉnh hành vi CTKLM liên quan đến SHCN trong luật SHTT là khác với hướng tiếp cận của công ước Paris, nhưng các quy định của luật SHTT 2005 về hành vi CTKLM vẫn đóng một vai trò rất quan trọng và khá tương thích với các quy định của công ước Paris về bảo hộ quyền SHCN và các hiệp ước khác. Việc quy định

các hành vi CTKLM liên quan đến SHTT đã cùng với các quy định của luật cạnh tranh góp phần tạo một hành lang pháp lý vững chắc nhằm ngăn chặn các hành vi CTKLM và đảm bảo một thị trường cạnh tranh trong sáng và đảm bảo quyền tự do cạnh tranh của các chủ thể. Đồng thời các quy định về hành vi CTKLM trong luật SHTT đã giúp bảo hộ một cách hiệu quả hơn quyền SHCN của các chủ thể quyền. Và việc tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc để ngăn chặn hành vi CTKLM liên quan đến SHCN sẽ góp phần cho sự phát triển chung của thị trường cạnh tranh và tránh sự xung đột pháp luật với pháp luật của các quốc gia khác, giúp phát triển hơn nữa các quan hệ thương mại quốc tế. Tuy nhiên, để đảm bảo các quy định này có thể có hiệu quả trên thực tế và đảm bảo sự áp dụng thống nhất các quy định này và đảm bảo cho việc nhận diện các hành vi CTKLM đang diễn ra ngày càng phức tạp thì cần có các quy định để làm rõ hơn các quy định về các hành vi CTKLM này. Bên cạnh đó thì để đảm bảo có thể ngăn chặn các hành vi cạnh vi CTKLM liên quan đến SHCN này một cách hiệu quả thì cần có nhiều biện pháp để nâng cao ý thức giác ngộ của các chủ thể kinh doanh, nhận thức của người tiêu dùng và trình độ của các cơ quan áp dụng pháp luật.

Pháp luật cạnh tranh Việt Nam đã có những quy định cơ bản để điều chỉnh CTKLM, tuy nhiên hiện chưa đủ để đáp ứng các yêu cầu ngăn chặn các hành vi vi phạm, bảo vệ môi trường cạnh tranh, quyền lợi của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Kinh nghiệm của các quốc gia đi trước cho thấy việc điều chỉnh CTKLM cần có một cơ chế mở và linh hoạt để thích ứng với những diễn biến đa dạng và liên tục của thị trường. Do đó Việt Nam cần hoàn thiện pháp luật về CTKLM theo hai hướng: một mặt xây dựng các quy định cụ thể hoá tiêu chí đánh giá và dạng biểu hiện của hành vi CTKLM, mặt khác tăng thẩm quyền cho cơ quan xử lý, có thể là cơ quan cạnh tranh hay toà án, trong việc đánh giá, kết luận về tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, để có thể chủ động xử lý hiệu quả các vụ việc về CTKLM trên thực tế.

Có thể nói, trong vòng 50 năm qua, kể từ khi nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra đời, chưa bao giờ chúng ta có một hệ thống pháp luật khá đầy đủ và hoàn chỉnh như hiện nay. Đây không chỉ là nhận xét của các chuyên gia pháp luật trong nước mà còn là sự thừa nhận của rất nhiều luật gia trên thế giới. Đặc biệt trong lĩnh vực SHTT, chúng ta vừa có Bộ luật dân sự 2005, luật SHTT 2005 với các quy định khá đầy đủ về các đối tượng SHTT, chúng ta có thể hy vọng rằng đây là môi trường thuận lợi và ổn định cho sự phát triển của các doanh nghiệp, đặc biệt là cho sự đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, bên cạnh đó, chúng ta còn gặp một số khó khăn do các quy định của pháp luật còn chưa thống nhất và rõ ràng. Chính vì vậy, những năm sắp tới, để có thể hòa chung với nền kinh tế thế giới thì những khó khăn này cần phải được khắc phục, cần sớm có phương thức giải quyết nhanh chóng và hợp lý. Có như vậy, chúng ta mới tạo được môi trường thuận lợi và ổn định hơn nữa cho sự phát triển xã hội, nhất là trong cộng đồng các doanh nghiệp.